

Số: /NQ-DKQN-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tạm thời
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quảng Ngãi);

Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ của PTSC Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 989/NQ-PTSC-HĐQT ngày 19/12/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam về việc Chấp thuận Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của PTSC Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc tại Tờ trình số 2884/TTr-DKQN ngày 27/12/2025 về việc trình phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tạm thời của PTSC Quảng Ngãi;

Trên cơ sở Biên bản tổng hợp Phiếu biểu quyết của các Thành viên Hội đồng quản trị số /BTH-DKQN-HĐQT ngày 05/01/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tạm thời của PTSC Quảng Ngãi như đính kèm.

Điều 2. Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Giám đốc chỉ đạo xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 chính thức.

Điều 3. Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức triển khai, thực hiện các công việc tiếp theo phù hợp với các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Nghị quyết này, tuân thủ quy định hiện hành.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Ban Giám đốc, Trưởng các Bộ phận có liên quan trực thuộc PTSC Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026 TẠM THỜI
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-DKQN-HĐQT ngày / /2026)

I. NHIỆM VỤ

1. Duy trì hệ thống HSEQ, thực hiện đầy đủ quy định an toàn, sức khỏe, môi trường, chất lượng theo tiêu chuẩn và yêu cầu pháp luật. Tăng cường nhận diện, kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động, đặc biệt tại các hoạt động có mức độ nguy cơ cao. Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh biển đảo, cứu nạn, cứu hộ.

2. Rà soát, cập nhật và tuân thủ nghiêm các quy định pháp lý, hợp đồng và quy chế nội bộ. Thực hiện kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro, xử lý kịp thời các vi phạm và bất cập phát sinh. Bảo đảm minh bạch, kỷ cương trong quản lý và thực hiện các hoạt động SXKD.

3. Quản lý chặt chẽ, hiệu quả dòng tiền, tuân thủ quy định về công tác tài chính, kế toán, thanh toán và thu hồi nợ, thuế, hóa đơn chứng từ; kiểm soát chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bảo toàn và phát triển vốn.

4. Tổ chức thực hiện an toàn, hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và phát triển thị trường; bảo đảm năng lực cạnh tranh, hiệu quả tổng thể và phù hợp chiến lược phát triển của Tổng công ty, đơn vị; tập trung triển khai các nội dung trọng tâm sau:

- Quản lý khai thác an toàn, hiệu quả cảng Dung Quất – Quảng Ngãi. Phối hợp chặt chẽ với NMLD Dung Quất trong các dịch vụ tàu lai dắt, trực ứng cứu sự cố tràn dầu, an ninh và PCCC, bảo đảm an toàn tuyệt đối, duy trì chất lượng và hiệu quả dịch vụ liên tục.

- Triển khai tốt các dự án: Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Bể chứa dầu thô NMLD Dung Quất, Bồn Ethane Long Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 và các dự án mới, tuân thủ nghiêm các yêu cầu về tiến độ, chất lượng và an toàn.

- Giải quyết dứt điểm các tồn đọng liên quan Dự án Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất, đảm bảo minh bạch, tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng đến SXKD của đơn vị và Tổng công ty.

- Nghiên cứu và phối hợp chặt chẽ Tổng công ty triển khai kịp thời phương án tăng vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị.

- Kết nối, chia sẻ thông tin, nguồn lực và phối hợp hiệu quả với các đơn vị để phát huy, tối ưu chuỗi giá trị trong toàn Tổng công ty.

5. Tổ chức quản lý đầu tư chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ quy định và phù hợp quy hoạch Tổng công ty. Các nội dung đầu tư trong Kế hoạch này chỉ mang tính dự tính sơ bộ, phục vụ chủ trương, định hướng và công việc chuẩn bị. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện đầu tư, mua sắm tuân thủ Quy định hiện hành, phù hợp với yêu cầu thực tế và mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với chính sách đãi ngộ phù hợp; thực hiện chế độ lương, thưởng dựa trên năng lực, cống hiến và hiệu quả công việc. Ưu tiên tuyển dụng chuyên gia và nhân sự trẻ để đào tạo, phát triển nguồn lực kế cận. Phát huy văn hóa học tập, liên tục bồi dưỡng, nâng cấp nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.



Tăng cường kỷ luật lao động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, chủ động, sáng tạo.

7. Rà soát, kiện toàn mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, vận hành. Đề xuất và triển khai phương án tái cấu trúc; điều chỉnh, bổ sung quy chế, quy trình bảo đảm phù hợp thực tiễn và định hướng phát triển. Tối ưu năng lực sản xuất, nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị và nhân lực.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý dự án, tài sản, thiết bị và nhân sự. Tăng cường hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), triển khai sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tự động hóa phù hợp đặc thù đơn vị. Chuẩn hóa dữ liệu và phối hợp triển khai các nền tảng chuyển đổi số theo định hướng Tổng công ty.

9. Thực hiện các giải pháp phát triển xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng hiệu quả và quản lý chất thải theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty chuẩn bị dữ liệu và giải pháp đáp ứng lộ trình triển khai ESG, đảm bảo trách nhiệm môi trường – xã hội trong mọi hoạt động. Triển khai hiệu quả công tác an sinh xã hội, truyền thông và văn hóa doanh nghiệp.

10. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, công việc và hoạt động khác được Tổng công ty giao.

II - CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

Stt	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
A	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu		
-	Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	500,00
-	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	95,19
2	Tổng Doanh thu	Tỷ VNĐ	2.000,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	50,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	40,00
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ VNĐ	30,50
B	Chỉ tiêu đầu tư và mua sắm TSCĐ		
1	Thực hiện đầu tư <i>(chi tiết như Mục III đính kèm)</i>	Tỷ VNĐ	251,91
-	Đầu tư XD CB	Tỷ VNĐ	196,12
-	Mua sắm PTTB	Tỷ VNĐ	55,79
2	Giải ngân đầu tư	Tỷ VNĐ	251,91
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	85,39
-	Vốn vay/ vốn khác	Tỷ VNĐ	166,52
3	Mua sắm trang thiết bị, phần mềm văn phòng và mua sắm khác hình thành tài sản cố định	Tỷ VNĐ	9,61



III - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ NĂM 2026 CỦA ĐƠN VỊ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Thời gian		Tổng mức đầu tư/ dự toán được duyệt/ dự kiến					Ước thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Kế hoạch năm 2026				Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Số Quyết định	Ngày tháng	Tổng số	Trong đó		Thực hiện	Giải ngân	Trong đó		Thực hiện	Giải ngân	Trong đó		
								Vốn CSH	Vốn vay + Khác			Vốn CSH	Vốn vay + Khác			Vốn CSH	Vốn vay + Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
>>	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC																	
TỔNG CỘNG (Tỷ giá kế hoạch áp dụng là 26.500 VND/USD)							789,59			102,03	102,03	30,61	71,42	251,91	251,91	85,39	166,52	
PHẦN I: CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG							409,72			101,10	101,10	30,33	70,77	196,12	196,12	59,54	136,59	
>	Dự án nhóm B																	
*	Dự án chuyển tiếp																	
1	Khu Dịch vụ Cơ khí Dầu khí Dung Quất	Dung Quất	2023	2027	63/NQ-DKQN-HĐQT	23/05/2023	285,93			99,77	99,77	29,93	69,84	110,80	110,80	33,24	77,56	
>	Dự án nhóm C																	
*	Dự án chuyển tiếp																	
2	Shelter di động	Dung Quất	2025	2026			6,66			1,33	1,33	0,40	0,93	5,33	5,33	1,60	3,73	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư và khởi công mới																	
3	Nhà làm việc 5 tầng - Văn phòng Công ty	Văn phòng Công ty	2026	2027			35,17							7,03	7,03	2,11	4,92	
4	Xưởng làm sạch và hoàn thiện sản phẩm (khoảng 90m x 32m), bao gồm hệ cầu trục	Dung Quất	2026	2026			31,50							31,50	31,50	9,45	22,05	
5	Hệ thống phun bi và điều âm khép kín	Dung Quất	2026	2026			15,00							15,00	15,00	4,50	10,50	
6	Nhà kho Công ty (kích thước khoảng 30m x 60m) tại khu 3.1ha (thuộc DA 13,4ha giai đoạn 1)	Dung Quất	2026	2026			12,06							12,06	12,06	3,62	8,44	
7	Nhà kho tại Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí (kích thước khoảng 62m x 42m)	Dung Quất	2026	2026			9,92							9,92	9,92	2,98	6,94	
8	Shelter di động (kích thước khoảng 24mx20mx7m, gồm tời nâng). Số lượng: 02 cái	Dung Quất	2026	2026			3,48							3,48	3,48	1,04	2,44	
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng khác (theo nhu cầu SXKD phát sinh, mỗi dự án có TMĐT không quá 2 tỷ đồng)	Dung Quất	2026	2027			10,00							1,00	1,00	1,00		
PHẦN II: CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ							379,87			0,93	0,93	0,28	0,65	55,79	55,79	25,85	29,94	
*	Dự án chuyển tiếp																	
1	Máy khoan CNC tốc độ cao		2025	2026	2566/QĐ-DKQN	19/11/2025	4,67			0,93	0,93	0,28	0,65	3,73	3,73	1,12	2,61	
2	Máy lốc 4 trục điều khiển NC		2025	2026	2565/QĐ-DKQN	19/11/2025	1,00							1,00	1,00	0,30	0,70	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư và khởi công mới																	
	Tàu lai kéo chân vịt Azimuth: Công suất từ 4600 -5400 HP		2026	2027			269,00											



III - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ NĂM 2026 CỦA ĐƠN VỊ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Thời gian		Tổng mức đầu tư/ dự toán được duyệt/ dự kiến					Ước thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Kế hoạch năm 2026				Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Số Quyết định	Ngày tháng	Tổng số	Trong đó		Thực hiện	Giải ngân	Trong đó		Thực hiện	Giải ngân	Trong đó		
								Vốn CSH	Vốn vay + Khác			Vốn CSH	Vốn vay + Khác			Vốn CSH	Vốn vay + Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Xe cầu bánh xích sức nâng ≥ 180 tấn		2026	2027			50,18							10,04	10,04	3,01	7,03	
5	Máy cắt laser CNC		2026	2026			13,00							13,00	13,00	3,90	9,10	
6	Công trục 20T (02 bộ)		2026	2026			7,80							7,80	7,80	2,34	5,46	
7	Hệ cầu trục hai dầm sức nâng 10T khẩu độ L=23.5m (02 bộ)		2026	2026			2,40							2,40	2,40	2,40	0,00	
8	Thiết bị hàn, cắt (theo nhu cầu SXKD phát sinh, mỗi dự án có TMBĐT không quá 2 tỷ đồng)		2026	2026			10,00							3,00	3,00	3,00	0,00	
9	Máy móc, phương tiện, thiết bị, phần mềm khác phục vụ lĩnh vực kinh doanh chính theo nhu cầu SXKD phát sinh, không bao gồm xe các loại (xe cầu, xe nâng, xe ô tô...); mỗi dự án có TMBĐT không quá 2 tỷ đồng		2026	2027			10,00							3,00	3,00	3,00	0,00	
10	Xe xúc lật gầu ≥1,4 m3 có kèm theo chổi quét. (Số lượng: 01 xe)		2026	2026			3,00							3,00	3,00	0,90	2,10	
11	Xe cầu thùng 10T - 12T (01 xe)		2026	2026			4,20							4,20	4,20	1,26	2,94	
12	Xe nâng 5 tấn		2026	2026			1,20							1,20	1,20	1,20	0,00	
13	Rơ-mooc kéo hàng tải trọng ≥20 tấn (2 xe)		2026	2026			1,32							1,32	1,32	1,32	0,00	
14	Xe ô tô dưới 9 chỗ		2026	2026			2,10							2,10	2,10	2,10	0,00	

- Ghi chú:
- Các số liệu, nội dung, thông tin được chấp thuận trong Tờ trình này là các thông tin sơ bộ tại thời điểm báo cáo và hiện tại, phục vụ mục đích chủ trương, định hướng, kế hoạch, các công việc chuẩn bị.
 - Đơn vị thực hiện đầu tư, mua sắm, quyết định chi tiêu, chi phí nếu có, tuân thủ theo Quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả đầu tư đối với từng dự án, công việc, hạng mục đầu tư.

